

Bản án số: 34/2018/DS-ST

Ngày 17 - 10 - 2018

“Về việc Tranh chấp hợp đồng vay”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Gấm

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Thạch Thị Mỹ Kim

Ông Trần Quốc Hào

- Thư ký - phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tuyên, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Đặng Chí Thiện, Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 10 năm 2018 Tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 88/2018/TLST- DS ngày 10 tháng 4 năm 2018. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 103/2018/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị H, sinh năm 1973.

Nơi cư trú: ấp ĐC, xã HT, huyện CT, tỉnh TV. Người đại diện hợp pháp của bà Hậu: Ông L - K- S, sinh năm 1977; nơi cư trú: khóm 3, phường 5, thành phố TV, tỉnh TV (có mặt).

Bị đơn: Bà Lý M - K, sinh năm 1971 (vắng mặt).

Nơi cư trú: khóm 2, phường 2, thành phố TV, tỉnh TV.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, ông Lâm Khắc Sinh người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Vào ngày 07/9/2016 bà Lê Thị H có cho bà Lý M - K vay số tiền 250.000.000đ, khi vay bà K nói mục đích vay là để đáo hạn Ngân hàng, thỏa thuận thời hạn vay 03 ngày (ba ngày), lãi suất 3.000đ/1triệu/ngày (tương đương 9%/tháng) có làm biên nhận và bà K có ký tên. Từ khi vay đến nay bà K không trả vốn gốc và lãi cho bà H. Nay bà Lê Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Lý M - K phải có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị H số tiền 319.750.000đ. Trong đó: vốn gốc 250.000.000đ; lãi

tính từ ngày 07/9/2016 đến ngày 07/3/2018 là 69.750.000đ (250.000.000đ x 1.55% x 18 tháng). Đồng thời yêu cầu tính lãi phát sinh từ ngày 08/3/2018 cho đến ngày xét xử sơ thẩm 17/10/2018 khoảng 07 tháng x 250.000.000đ x 1,55% = 27.125.000đ. Tổng cộng lãi là 96.875.000đ.

Bị đơn bà Lý M - K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án để tham gia phiên tòa.

Tại phiên tòa hôm nay, vị Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự. Thẩm phán thu thập chứng cứ, xây dựng hồ sơ chắc chắn, đảm bảo thủ tục tố tụng; thực hiện tốt các qui định tại các Điều 48, 68, 70, 71, 72, 177, 196, 208, 209, 210, 211, 220 và Điều 234 BLTTDS.

Về nội dung: Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 471, Điều 474 và Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005 chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Hậu. Buộc bà Lý M - K phải có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị H số tiền vốn gốc và tiền lãi theo quy định pháp luật. Về án phí dân sự sơ thẩm buộc bà K; bà H phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Bà Lê Thị Hậu khởi kiện yêu cầu bà Lý M - K trả cho bà H vốn gốc và lãi là 346.875.000đ, nên quan hệ pháp luật của vụ án này là “*Tranh chấp hợp đồng vay*” theo quy định tại khoản 3, Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bà Lý M - K có nơi cư trú khóm 2, phường 2, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh nên tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh theo điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bà Lý M - K là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án tham gia phiên tòa nhưng bà K vắng mặt không có lý do, nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bà K là phù hợp với quy định của pháp luật tại điểm b, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Quan hệ vay tiền giữa bà Lý M - K với bà Lê Thị H là quan hệ vay tiền có làm biên nhận, có ghi số tiền bà Lý M - K vay của bà Lê Thị H là 250.000.000đ và thỏa thuận thời hạn trả là 03 ngày, mục đích vay tiền là đáo hạn ngân hàng theo “*Giấy nhận mượn tiền*” ngày 07/9/2016 bà Lê Thị H cung cấp cho Tòa án. Tòa án đã cấp tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý, Thông báo phiên họp công khai chứng cứ, phiên hòa giải và Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bà Lý M - K nhưng bà K

không ghi ý kiến của bà K về yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H, xem như bà Lý M - K thừa nhận có thiếu nợ bà H số tiền gốc chưa trả là 250.000.000đ.

Ông L - K- S người đại diện hợp pháp của bà Lê Thị H khai lãi suất thỏa thuận cho vay là 3.000đ/1triệu/ngày (tức là 750.000đ/ngày tương đương 9%/tháng), theo “*Giấy nhận mượn tiền*” ngày 07/9/2016 thỏa thuận thời hạn vay 03 ngày. Theo đơn khởi kiện bà H yêu cầu bà K trả lãi cho bà từ ngày 07/9/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm là 1,55%/tháng chỉ có căn cứ chấp nhận một phần. Vì, tại thời điểm xác lập hợp đồng vay là ngày 07/9/2016 nên lãi thỏa thuận áp dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 476 Bộ luật năm 2005 “*1. Lãi suất cho vay do các bên thỏa thuận nhưng không vượt quá 150% mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố đối với loại cho vay tương ứng*”. Trong vụ án này, lãi suất mà bà H và bà K thỏa thuận là vượt 150% mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định, nên được Hội đồng xét xử điều chỉnh lại cho phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005 như sau:

- Lãi suất thỏa thuận từ ngày 07/9/2016 đến ngày 09/9/2016 là 03 ngày x 250.000.000đ x 1,125% : 30 ngày = 281.250đ.

- Lãi suất không có thỏa thuận từ ngày 10/9/2016 đến ngày 17/10/2018 (ngày xét xử sơ thẩm) là 768 ngày x 250.000.000đ x 9%/năm : 365 ngày = 47.342.465đ.

Tổng cộng số tiền lãi là: 47.623.715đ (281.250đ + 47.342.465đ).

Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Lý M - K phải có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị H số tiền vốn gốc là 250.000.000đ và lãi là 47.623.715đ.

Hội đồng xét xử không chấp nhận một phần yêu cầu của bà H đối với số tiền lãi 49.251.285đ.

[3] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Bà Lý M - K phải có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho bà H. Còn bà Lê Thị H phải chịu án phí trên số tiền lãi không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92; Điều 147; điểm b, khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 và Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 471, Điều 474 và Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ khoản 2 Điều 468 và các điểm c, d khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H

Buộc bà Lý M - K phải có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị H số tiền 297.623.715đ (Trong đó: Vốn gốc 250.000.000đ, lãi 47.623.715đ).

Không chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị H đối với số tiền lãi 49.251.285đ.

Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Lý M - K phải có nghĩa vụ nộp 14.881.185đ (*Mười bốn triệu tám trăm tám mươi một ngàn một trăm tám mươi lăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc bà Lê Thị H phải chịu 2.462.564đ án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 8.000.000đ theo biên lai thu tiền số 0016794 ngày 09/4/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh. Số tiền tạm ứng án phí còn lại 5.537.436đ bà H được quyền liên hệ Chi Cục Thi hành án Dân sự thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh để nhận lại.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Lý M - K có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân xã (phường) nơi bà K cư trú.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

** Nơi nhận:*

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND TP Trà Vinh;
- THADS TP Trà Vinh;
- Các đương sự;
- Lưu

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(*Đã ký đóng dấu*)

Lê Thị Gấm

